TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/HS-ST
Ngày 29-5-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Văn Thuần.
Ông Nguyễn Thành Trung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Ông Nông Văn Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2026/TLST-HS, ngày 22 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu D, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1978 tại tỉnh Nghệ An. Căn cước công dân số 040078003240, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 09-5-2021. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp B, xã T, thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: Số E, đường C, tổ dân phố C, xã G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1952 và bà Trần Thị B, sinh năm 1958; có vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 và 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng từ ngày 26-10-2025 đến nay; có mặt.

2. Trương Mạnh T1, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1984 tại Hà Nội. Căn cước công dân số 001084009476, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C1 cấp ngày 10-9-2024. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số D, ngách D, đường K, phường G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Mạnh Q, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Lê Thị Ư, sinh năm 1958; có vợ Hoàng Thị T2, sinh năm 1986 và 03 con (con lớn sinh năm 2009,

con nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 26-10-2025 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Nhật D1, sinh năm 2001. Địa chỉ: Số A, ngõ C, phường V, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị T2, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số D, ngách D K, phường G, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số G, làng Y, phường T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn A, xã A, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu D sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 29E-094.** làm dịch vụ taxi, Nguyễn Hữu D thường xuyên đăng số điện thoại 0922.258.1** lên mạng xã hội Zalo, T để tìm kiếm khách. Khoảng giữa tháng 10 năm 2025, có tài khoản T3 "Admin" (không rõ người sử dụng) gửi yêu cầu kết bạn với Nguyễn Hữu D, đặt vấn đề thuê Nguyễn Hữu D chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ khu vực xã Đ, tỉnh Lạng Sơn đến thành phố Hà Nội với giá 1.000.000 đồng/người, khi nào có sẽ thông báo lại, Nguyễn Hữu D đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 25-10-2025, người sử dụng tài khoản Telegram "Admin" gọi điện thuê Nguyễn Hữu D lên Lạng Sơn đón 08 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, tiền công 9.000.000 đồng, Nguyễn Hữu D đồng ý. Sau đó, Nguyễn Hữu D gọi điện thuê 02 người khác cùng đi đón gồm người có tài khoản zalo tên "Mạnh Cường" của anh Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Hữu D thuê anh Nguyễn Mạnh C đi đón 04 người, tiền công 3.000.000 đồng, anh Nguyễn Mạnh C đồng ý. Nguyễn Hữu D tiếp tục thuê người có tài khoản zalo tên "G" của anh Nguyễn Trường G đi trông đường, tiền công 2.000.000 đồng, anh Nguyễn Trường G đồng ý. Do thấy lái xe đi ban đêm mệt, Nguyễn Hữu D gọi điện cho Trương Mạnh T1 rủ cùng đi Lạng Sơn để lái xe hỗ trợ. Trương Mạnh T1 đồng ý. Khi đang di chuyển trên tuyến cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn, Nguyễn Hữu D sử dụng tài khoản ngân hàng V số 10422685** chuyển số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng B1 số 8810243** của Trương Mạnh T1 và nói cho Trương Mạnh T1 thêm 500.000 đồng. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Hữu D nhận được cuộc gọi từ tài khoản Telegram có tên "Kaaka", người này cho biết có người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và bảo Nguyễn Hữu D tối cùng ngày lên xã Đ, tỉnh Lạng Sơn đợi đón, Nguyễn Hữu D đồng ý và thông báo cho anh Nguyễn Trường G, anh Nguyễn Mạnh C đi lên Lạng Sơn, hẹn gặp nhau tại ga Đ

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Trương Mạnh T1 điều khiển xe ô tô BKS 29E-094.** chở Nguyễn Hữu D đến ga Đ, Lạng Sơn gặp được anh Nguyễn Mạnh C, anh Nguyễn Trường G rồi cùng nhau đi ăn đêm, Nguyễn Hữu D bảo anh Nguyễn Trường G và anh Nguyễn Mạnh C ngồi đợi khi nào có người cần chở Nguyễn Hữu D sẽ gọi. Sau khi ăn xong, tài khoản "Admin" gọi và bảo Nguyễn Hữu D đi đến xã N, Lạng Sơn chở 03 người Trung Quốc đưa về nhà nghỉ gần cửa khẩu H1 để hôm sau những người này sẽ xuất cảnh về Trung Quốc qua cửa khẩu quốc tế H1, còn 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép khi nào qua được biên giới thì sẽ đón về Hà Nội sau. Lúc này, Nguyễn Hữu D cho Trương Mạnh T1 biết 04 người cần đón là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, chưa qua được biên giới. Sau đó, Nguyễn Hữu D điều khiển xe ô tô đến xã N, tỉnh Lạng Sơn đi cùng Trương Mạnh T1 đón được 03 người Trung Quốc rồi đưa đến khu vực gầm cầu Đ, tại đây có 01 người đàn ông (không biết họ tên, địa chỉ) ra hiệu dừng xe và bảo T1 xuống xe để người này lên xe chỉ đường cho Nguyễn Hữu D. Theo chỉ dẫn, Nguyễn Hữu D chở 03 người Trung Quốc đi theo hướng cửa khẩu Quốc tế H1, đi khoảng 10 phút thì người chỉ đường ra hiệu dừng xe cho 03 người Trung Quốc xuống cạnh đường, sau đó Nguyễn Hữu D đi tiếp khoảng 200m thì đón được 04 người Trung Quốc từ trong bụi rậm cạnh đường đi ra, theo sau là 01 người đàn ông Việt Nam, người này đưa cho Nguyễn Hữu D 1.000.000 đồng tiền đặt cọc, bảo Nguyễn Hữu D khi nào đưa được người đến thành phố Hà Nội thì sẽ có người trả nốt số tiền còn lại. Sau đó, Nguyễn Hữu D điều khiển xe đi được khoảng 100m thì người chỉ đường xuống xe, Nguyễn Hữu D tiếp tục điều khiển xe đến đón Trương Mạnh T1 tại gầm cầu Đ rồi điều khiển xe ô tô đi theo hướng Quốc lộ A về Hà Nội. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 26-10-2025, khi đi đến đoạn Km 45 thuộc địa phận thôn M, xã N, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang, 04 người đàn ông Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam là Hồ Xuân L, Bành T, Trịnh Thụy K và Lưu Vận T4.

Vật chứng còn lại hiện đang tạm giữ: Đối với Nguyễn Hữu D gồm số tiền 1.000.000 đồng; 01 giấy phép lái xe hạng B2, có giá trị đến ngày 04-8-2030, mang tên Nguyễn Hữu D; 01 giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lái xe kinh doanh vận tải số HĐ1024-28306 mang tên Nguyễn Hữu D; 04 thẻ ATM; 02 điện thoại di động. Đối với Trương Mạnh T1 gồm 01 căn cước công dân số 0010840094**; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 giấy phép lái xe hạng C, số 0100500148**; 01 thẻ ATM; 01 điện thoại di động Samsung màu trắng.

Cáo trạng số: 28/CT-VKSLS-P2 ngày 22 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu D, Trương Mạnh T1 về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hữu D, Trương Mạnh T1 khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố là đúng, không oan. Các bị cáo đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Nhật D1 trong quá trình điều tra, tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trình bày: Anh Nguyễn Nhật D1 là con đẻ của bị cáo Nguyễn Hữu D. Nguồn gốc xe ô tô Vinfast,

màu sơn xám, biển số 29E-094.** là tài sản của anh, bị cáo sử dụng xe ô tô trên để chở người nhập cảnh trái phép, anh không biết, không được hưởng lợi gì từ hành vi của các bị cáo. Ngày 20-3-2026, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Nhật D1 xe ô tô và 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số VCX2412/4224**, chủ xe Nguyễn Nhật D1; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29000663**, anh Nguyễn Nhật D1 không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Chị Hoàng Thị T2 trình bày tại phiên tòa: Chồng chị là bị cáo Trương Mạnh T1 được hưởng lợi số tiền 1.500.000 đồng do bị cáo Nguyễn Hữu D trả. Quá trình điều tra chồng chị tự nguyện nộp lại số tiền được hưởng lợi bất chính, tuy nhiên do đang bị tạm giữ, tạm giam không tự mình thực hiện được nên chị đã nộp thay chồng mình số tiền 1.500.000 đồng, tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu tiền số 0000196 ngày 04-02-2026. Bản thân chồng chị là lao động chính trong gia đình nuôi 03 con nhỏ ăn học, gia đình chị có hoàn cảnh khó khăn, hiện chị đã nghỉ làm để ở nhà phụng dưỡng mẹ bà Lê Thị Ư đang bị bệnh hiểm nghèo, chị đã giao nộp các tài liệu liên quan để chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chồng chị được hưởng khoan hồng của pháp luật với mức hình phạt nhẹ nhất.

Người làm chứng anh Nguyễn Mạnh C và anh Nguyễn Trường G quá trình điều tra khai nhận các anh có được bị cáo Nguyễn Hữu D rủ đi chở khách nhưng không biết đó là những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, bản thân anh Nguyễn Trường G và anh Nguyễn Mạnh C đợi không thấy bị cáo Nguyễn Hữu D gọi nên đã tự điều khiển xe đi về, không được hưởng lợi gì.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm buộc tội các bị cáo, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu D, Trương Mạnh T1 phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu D, Trương Mạnh T1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm; bị cáo Trương Mạnh T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.500.000 đồng (trong đó: 1.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Hữu D; 1.500.000 đồng của bị cáo Trương Mạnh T1); 01 điện thoại di động Samsung màu trắng của bị cáo Trương Mạnh T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xám của bị cáo Nguyễn Hữu D. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu D gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám; 01 giấy phép lái xe hạng B2, có giá trị đến ngày 04/8/2030, mang tên Nguyễn Hữu D; 01 giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lái xe kinh doanh vận tải số HĐ1024-28306 mang tên Nguyễn Hữu D; 04 thẻ ATM; bị cáo Trương Mạnh T1

gồm 01 căn cước công dân số 0010840094**; 01 giấy phép lái xe hạng A1; 01 giấy phép lái xe hạng C, số 0100500148**; 01 thẻ ATM.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều mong muốn có cơ hội được sửa chữa lỗi lầm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Nhật D1 vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người làm chứng anh Nguyễn Mạnh C và anh Nguyễn Trường G vắng mặt, không có lí do. Xét thấy, những người vắng mặt không ảnh hưởng đến phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội: Các bị cáo Nguyễn Hữu D, Trương Mạnh T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản vụ việc, các lời khai tại Cơ quan điều tra, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Hồi 01 giờ 30 phút ngày 26-10-2025, tại Km 45 thuộc địa phận thôn M, xã N, tỉnh Lạng Sơn, Trạm Cảnh sát giao thông Tùng Diễn, Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Lạng Sơn phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Hữu D và Trương Mạnh T1 có hành vi tổ chức cho 04 người đàn ông Trung Quốc (gồm Hồ Xuân L, Bành T, Trịnh Thụy K, Lưu Vận T4) nhập cảnh trái phép vào Việt Nam (từ khu vực xã Đ, tỉnh Lạng Sơn đến thành phố Hà Nội) để đưa về thành phố Hà Nội, nhận tiền công 1.000.000 đồng/người.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hậu quả nghiêm trọng, xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý xuất nhập cảnh, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để thu lợi là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi và thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm trước pháp luật.

[5] Từ những nhận định tại đoạn [3], đoạn [4] của Bản án, Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Hữu D, Trương Mạnh T1 phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trong Bộ luật Hình sự như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[6] Hành vi của các bị cáo đã thực hiện có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn nên phải xem xét đến vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi đó. Bị cáo Nguyễn Hữu D có vai trò chính, là người khởi xướng, trực tiếp giao dịch, thỏa thuận số lượng người nhận chở thuê, giá tiền công, nhận tiền đặt cọc, chuẩn bị phương tiện xe ô tô, rủ bị cáo Trương Mạnh T1 cùng tham gia nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng cao hơn. Vai trò tiếp theo thuộc về bị cáo Trương Mạnh T1 tiếp nhận ý chí của bị cáo Nguyễn Hữu D, cùng tham gia giúp sức cho bị cáo Nguyễn Hữu D thực hiện hành vi phạm tội, để được hưởng lợi tiền công là 1.500.000 đồng, phải chịu mức hình phạt tương xứng thấp hơn bị cáo Nguyễn Hữu D.

[7] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

[7.1] Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

[7.2] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Hữu D đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng (theo giấy nộp tiền ngày 09-3-2026), nộp ủng hộ quỹ "Biển đảo Việt Nam" số tiền 2.000.000 đồng có giấy xác nhận của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường V – Q, thành phố Hà Nội năm 2025. Bị cáo Trương Mạnh T1 đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.500.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0000196 ngày 04-02-2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn); có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính nuôi 03 con chưa thành niên ăn học, phụng dưỡng mẹ bà Lê Thị Ư đang bị bệnh hiểm nghèo (Ung thư dạ dầy giai đoạn IV, mức độ khuyết tật dạng đặc biệt nặng) có hồ sơ bệnh án của Bệnh viện U và giấy xác nhận khuyết tật của UBND phường G1, Hà Nội ngày 06-4-2026. Vì vậy, các bị cáo Nguyễn Hữu D, Trương Mạnh T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bản thân, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà xét xử các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Việc cho các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm mà vẫn đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người biết ăn năn hối cải.

[9] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Vì các bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án, không đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Đối với số tiền 2.500.000 đồng (trong đó: 1.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Hữu D; 1.500.000 đồng của bị cáo Trương Mạnh T1 tự nguyện giao nộp là tiền do phạm tội mà có; 01 điện thoại di động Samsung màu trắng tạm giữ của bị cáo Trương Mạnh T1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xám tạm giữ của bị cáo Nguyễn Hữu D là các công cụ phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu các vật chứng trên, để nộp ngân sách nhà nước.

[10.2] Đối với tài sản, đồ vật tạm giữ của bị cáo Nguyễn Hữu D gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám; 01 giấy phép lái xe hạng B2, có giá trị đến ngày 04-8-2030 mang tên Nguyễn Hữu D; 01 giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lái xe kinh doanh vận tải số HĐ1024-28306 mang tên Nguyễn Hữu D; 04 thẻ ATM; tài sản, đồ vật tạm giữ của bị cáo Trương Mạnh T1 gồm 01 căn cước công dân số 0010840094**; 01 giấy phép lái xe hạng A1; đối với 01 giấy phép lái xe hạng C, số 0100500148**; 01 thẻ ATM; do là các tài sản của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo Nguyễn Hữu D, Trương Mạnh T1.

[10.3] Xác nhận ngày 20-3-2026, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Nhật D1 xe ô tô và 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới số XA0089593, biển đăng ký 29E-094.**; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29000663**, biển số đăng ký 29E-094.** là có căn cứ.

[11] Về vấn đề liên quan:

[11.1] Anh Nguyễn Trường G, anh Nguyễn Mạnh C quá trình điều tra thừa nhận có được bị cáo Nguyễn Hữu D rủ đi chở khách nhưng không biết đó là những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, bản thân anh Nguyễn Trường G và anh Nguyễn Mạnh C đợi không thấy bị cáo Nguyễn Hữu D gọi nên đã tự điều khiển xe đi về, không được hưởng lợi, giúp sức gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét xử lý.

[11.2] Việc bị cáo Nguyễn Hữu D sử dụng xe ô tô ô tô Vinfast, biển số 29E-094.** của con trai là anh Nguyễn Nhật D1, để chở người nhập cảnh trái phép, anh Nguyễn Nhật D1 không biết nên không đề cấp xem xét xử lý.

[11.3] Đối với người sử dụng tài khoản Telegram có tên “Admin”, “Kaaka”, bị cáo Nguyễn Hữu D khai không biết họ tên, địa chỉ, tiến hành kiểm tra điện thoại, kiểm tra các tài khoản Telegram không hiện số điện thoại nên không có căn cứ để mở rộng điều tra; đối với người đàn ông chỉ đường cho bị cáo Nguyễn Hữu D đưa 03 người Trung Quốc đón từ N đến khu vực gần H1; các đối tượng người Trung Quốc và người Việt Nam đưa dẫn nhập cảnh trái phép, do không có tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại của những người đưa dẫn này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ, Hội đồng xét xử không đề cấp xem xét xử lý.

[11.4] Đối với 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép gồm Hồ Xuân L, Bành T, Trịnh Thụy K, Lưu Vận T4, ngày 26-10-2025, Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; ngày 14-11-2025, đã bàn giao cho Trạm Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế H1 để trao trả cho lực lượng chức năng Trung Quốc là phù hợp quy định pháp luật.

[11.5] Đối với 03 người Trung Quốc được Nguyễn Hữu D đón tại xã N, tỉnh Lạng Sơn đưa đến khu vực cửa khẩu Quốc tế H1, D không biết tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại, D chỉ được người đàn ông sử dụng tài khoản Telegram "Admin" nhờ đưa từ xã N, tỉnh Lạng Sơn về để 03 người Trung Quốc này xuất cảnh về nước qua cửa khẩu Quốc tế H1, không thỏa thuận về tiền công. Do đó, không có căn cứ xử lý Nguyễn Hữu D và Trương Mạnh T1 về hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép đối với 03 người trên.

[11.6] Đối với số lượng người Trung Quốc mà bị cáo Nguyễn Hữu D được thuê chở, D khai nhận được người sử dụng tài khoản T3 có tên "Admin" thuê chở 08 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Tuy nhiên, trên thực tế các bị cáo Nguyễn Hữu D, Trương Mạnh T1 chỉ đón được 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, đồng thời không có cơ sở xác định anh Nguyễn Trường G và anh Nguyễn Mạnh C đã đón được 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép nên không đủ căn cứ xác định số lượng các bị cáo Nguyễn Hữu D, Trương Mạnh T1 chở là 08 người để xử lý theo quy định.

[12] Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị về tội danh, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt trong lời nói sau cùng của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc trong quá trình nghị án.

[13] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu D, Trương Mạnh T1.

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; các Điều 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu D (Căn cước công dân số 0400780032**, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 09-5-20210, Trương Mạnh T1 (Căn cước công dân số 0010840094**, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 10-9-2024), phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 29 tháng 5 năm 2026. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Xử phạt bị cáo Trương Mạnh T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 29 tháng 5 năm 2026. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường G1, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường G1, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 2.500.000 đồng (trong đó của bị cáo Nguyễn Hữu D số tiền là 1.000.000 đồng do ông Lê Trọng K1 – Cán bộ điều tra Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L đã nộp vào tài khoản số 00010583463** của Kho bạc nhà nước khu vực V1 – Phòng Nghiệp vụ 2, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) Chi nhánh L1, theo giấy nộp tiền ngày 09-3-2026; của bị cáo Trương Mạnh T1 số tiền 1.500.000 đồng (do Hoàng Thị T2 đã nộp thay), theo biên lai thu tiền số 0000196 ngày 04-02-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, có số IMEI 1: 355902958412494, số IMEI 2: 358262308412497, lắp sim số 0904686360, máy cũ đã qua sử dụng (của bị cáo Trương Mạnh T1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xám, có số IMEI 1: 861274070658215, số IMEI 2: 861274070658207, lắp sim số 08295325**, máy cũ đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Hữu D).

3.2. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu D gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám, có số IMEI: 359897658736661, lắp sim số 09222581**, máy cũ đã qua sử dụng; 01 giấy phép lái xe hạng B2, số 700205006569, có giá trị đến ngày

04-8-2030 mang tên Nguyễn Hữu D, do Sở G2 cấp ngày 04-8-2020; 01 giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ lái xe kinh doanh vận tải số HĐ1024-28306 mang tên Nguyễn Hữu D do Hợp tác xã V2 cấp ngày 11-10-2024; 04 thẻ ATM, trong đó: 01 thẻ ATM Ngân hàng V, số in trên thẻ 45240418364369** mang tên Nguyen Huu D2; 01 thẻ ATM Ngân hàng S, số in trên thẻ 42215109603053** mang tên Nguyen Huu D2 số tài khoản 0500977721**; 01 thẻ ATM Ngân hàng T6 mang tên Nguyen Huu D2; 01 thẻ ATM Ngân hàng MSB, số in trên thẻ 9704260413031147 mang tên Nguyen Huu D2.

3.3. Trả lại cho bị cáo Trương Mạnh T1 gồm 01 Căn cước công dân số 0010840094** mang tên Trương Mạnh T1 do Bộ C1 cấp ngày 10-9-2024; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 0100500148** mang tên Trương Mạnh T1 do Sở G3 cấp ngày 01-3-2023; 01 giấy phép lái xe hạng C, số 0100500148** mang tên Trương Mạnh T1 do Sở G3 cấp ngày 01-3-2023; 01 thẻ ATM Ngân hàng T6, số in trên thẻ 42207575058745** mang tên Truong Manh T5.

(*Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Lạng Sơn và được mô tả chi tiết theo biên bản về việc giao nhận, vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Lạng Sơn ngày 07-5-2026*).

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hữu D, Trương Mạnh T1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn;
- Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THA dân sự khu vực 4 – Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền